

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ
CTY LÂM NGHIỆP BẾN HẢI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/BC-CT

Vĩnh Linh, ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRONG HOẠT ĐỘNG LÂM NGHIỆP TẠI CÔNG TY NĂM 2025

Kính gửi:

- Sở NN&MT Quảng Trị;
- Hạt kiểm lâm Vĩnh Linh;
- UBND xã Vĩnh Linh, Vĩnh Thủy, Bến Quan.

PHẦN A TỔNG QUAN CHUNG KHU VỰC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Các hoạt động về Lâm nghiệp, đặc biệt là khai thác rừng, là hoạt động gây tác động về môi trường có quy mô rộng lớn nhất, nó dẫn đến những thay đổi về đa dạng sinh học. Tuy nhiên, hầu hết các trường hợp, việc quản lý rừng chỉ thường tập trung vào các giá trị kinh tế trước mắt mà không xem xét đến những khía cạnh về sinh thái rừng.

Việc đánh giá tác động môi trường là cách kiểm tra công tác quản lý rừng về hiệu quả mà nó mang lại cho cả môi trường và con người, là công cụ hữu ích hỗ trợ trong quá trình lập kế hoạch và ra quyết định, giúp xác định những lựa chọn sẽ được thực hiện, nhấn mạnh những hiệu quả mong muốn và thực tế của các hoạt động tại Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải.

Đánh giá tác động môi trường nhằm mô tả quá khứ, hiện tại và những điều kiện mà nguồn tài nguyên sinh thái và xã hội trong tương lai và chỉ ra những điều kiện sẽ bị ảnh hưởng bởi các hoạt động tạo ra ở một mức độ quản lý rừng.

Đồng thời, nó còn bao gồm việc mô tả các tác động tiềm ẩn đến bất kỳ tác động quản lý rừng liên quan đến môi trường (*trực tiếp, gián tiếp, tích lũy*).

Trên cơ sở đánh giá, đưa ra các giải pháp nhằm giảm thiểu tác động bất lợi đến môi trường trong suốt thời gian hoạt động. Phát huy tối đa chức năng của rừng như bảo vệ đất đai, bảo vệ nguồn nước sinh hoạt, cung cấp ổn định nguồn nước, hạn chế xói mòn đất, rửa trôi đất, điều hòa nguồn nước, hạn chế thiên tai lũ lụt, hạn hán và cải tạo nâng cao độ phì nhiêu của đất, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo tồn nguồn gen các loài động vật, thực vật quý hiếm hiện có trên toàn lâm phận quản lý.

Cung cấp nguồn nước cho các công trình về thủy lợi, nước sạch sinh hoạt cho các xã ven lâm phần. Đặc biệt duy trì giá trị bảo tồn cao, bảo vệ các nguồn nước phục vụ sinh hoạt cộng đồng, tưới tiêu nông nghiệp, hạn chế xói mòn, sạt lở

ở các khu vực có độ dốc cao, nhiều khu vực thường xuyên xảy ra sạt lở, lũ. Bảo vệ nơi cư trú theo mùa của các loài động vật, bảo vệ các nguồn gen động, thực vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng trên lâm phần quản lý của đơn vị.

I. KHÁI QUÁT ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ VÀ XÃ HỘI KHU VỰC ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Vị trí địa lý.

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải hoạt động sản xuất trên địa bàn của 03 xã gồm: xã Vĩnh Thủy, xã Vĩnh Linh, xã Bến Quan thuộc tỉnh Quảng Trị, có vị trí địa lý như sau:

- Phía Bắc giáp xã Sen ngư, xã Tân Mỹ, tỉnh Quảng Trị.
- Phía Nam giáp xã Cồn Tiên, tỉnh Quảng Trị.
- Phía Đông giáp xã Vĩnh Hoàng, tỉnh Quảng Trị.
- Phía Tây giáp xã Bến Quan, tỉnh Quảng Trị.

2. Địa hình, địa mạo.

Địa hình khu vực do Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải quản lý thuộc vùng núi thấp. Điểm thấp nhất nằm ở phía Đông Nam tiểu khu 586A, có độ cao gần 70m so với mặt biển. Điểm cao nhất nằm ở phía Tây tiểu khu 585A, có độ cao 362m. Độ cao so với mặt biển trong khu vực này giảm dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam. Địa hình ít bị chia cắt, độ dốc biến động từ 8° - 25° , gồm các kiểu địa hình chính sau:

- Kiểu địa hình đồi cao, có độ cao tuyệt đối từ 200-300m, độ dốc bình quân 25° , điển hình là các tiểu khu 555A và 556A.
- Kiểu địa hình đồi thấp và trung bình, có độ cao tuyệt đối dưới 200m, có độ dốc bình quân 15° điển hình là các tiểu khu 544, 456B, 547A, 548A, 549, 560A, 562B, 563A, 571, 572A.

3. Khí hậu thời tiết.

Khí hậu khu vực mang đặc điểm chung của khí hậu nhiệt đới gió mùa. Nhiệt độ trung bình năm từ $23-25^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tháng cao nhất (tháng 6 đến tháng 7) khoảng 35°C , có ngày nhiệt độ đạt trên 40°C , tháng thấp nhất (tháng 12 và tháng 01) khoảng 18°C có khi xuống tới $8-9^{\circ}\text{C}$.

Độ ẩm không khí trung bình năm là 85%, phân thành 2 mùa rõ rệt. Mùa khô nóng kéo dài 4 tháng, từ tháng 5 đến tháng 8 với độ ẩm trung bình từ 70- 80% và đạt cực tiểu vào tháng 7, xuống 65-70%; độ ẩm tăng nhanh khi bước vào mùa mưa và duy trì ở mức cao, với độ ẩm trung bình từ 85-90%.

Mùa mưa bắt đầu từ tháng 9 năm trước kéo dài đến tháng 2 năm sau, đạt cực đại vào tháng 10, 11, chiếm 70% lượng mưa của cả năm. Từ tháng 3 đến tháng 7, lượng mưa ít nhất, tổng lượng mưa trong thời kỳ này chỉ chiếm dưới 30% lượng mưa của năm. Tổng lượng mưa bình quân năm là 2.376 mm.

- Khu vực chịu ảnh hưởng của 2 loại gió mùa chính: Gió mùa Đông Bắc xuất hiện từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau và gió Tây Nam (gió Lào) thường xuất hiện từ tháng 3 đến tháng 8, có đặc điểm khô nóng và khi đạt tốc độ cao (từ 10-30 m/s) có thể gây hại rất lớn cho cây trồng. Ngoài ra, hàng năm vùng này còn bị ảnh hưởng của 3-4 cơn bão và áp thấp nhiệt đới kèm theo lũ lụt (thường xuất hiện từ tháng 7 đến tháng 10).

4. Nguồn nước.

Khu vực có các nhánh sông Rào Thành, Sa Lung và Cánh Hòm. Chiều dài sông là 59 km, diện tích lưu vực 936 km². Các nhánh của những con sông này đều có đặc điểm chung là lượng nước tập trung chủ yếu về mùa mưa, các nhánh sông và khe suối nhỏ thường không có hoặc có rất ít nước chảy vào mùa khô, đặc biệt là các năm hạn hán. Sông suối trong khu vực ít có giá trị về mặt giao thông thủy nhưng lại có ảnh hưởng rất lớn đến sản xuất và đời sống của người dân trong vùng. Trong vùng có 03 công trình thủy lợi là La Ngà, Bảo Đài và Đập Hà là nơi cung cấp nước tưới cho vùng hạ lưu tại các xã Vĩnh Linh, Vĩnh Thủy, Vĩnh Hoàng, Cửa Tùng.

5. Thổ nhưỡng.

Trên lâm phận Công ty quản lý gồm có 4 loại đá mẹ, đó là đá Granít, đá Cát kết, đá Sét và Đá vôi. Dựa trên các loại đá mẹ, yếu tố địa hình, độ cao, độ dốc, khu vực có thể chia thành hai nhóm dạng đất chính, đó là:

- Nhóm dạng đất feralít núi thấp phát triển trên các loại đá granít, đá cát kết, đá sét và đá vôi.

- Nhóm dạng đất feralít mùn trên núi trung bình phát triển trên đá granít.

Nhìn chung đất trong khu vực có độ dày tầng đất từ trung bình đến dày, từ 30 đến 80 cm, hàm lượng mùn trung bình. Riêng các nhóm dạng đất feralit đồi - núi thấp phát triển trên đá sét, cát kết có độ dày tầng đất lớn hơn 80 cm.

Đất trên địa bàn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải chủ yếu là đất được hình thành do quá trình feralit hoá, với nền vật chất là phiến thạch sét, granit. Ngoài ra còn có các loại đất dốc tụ, đất mùn trên thung lũng ven suối và đất phù sa bồi tụ ven sông suối.

6. Tài nguyên rừng

Tổng diện tích, hiện trạng đất của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải đang quản lý và sử dụng: 8.069,23 ha, trong đó:

TT	Hạng mục	Tổng	XN3	XN2	XN1
	Tổng cộng	8.069,23	3.625,50	2.360,56	2.083,17
I	Đất có rừng	7.651,32	3.413,09	2.163,36	2.074,87
1	Rừng tự nhiên	1.647,80	1.227,60	420,20	0,00
2	Rừng trồng	6.003,52	2.185,49	1.743,16	2.074,87
II	Đất quy hoạch trồng rừng	409,61	212,41	197,20	0,00
III	Đất khác	8,30	0,00	0,00	8,30

A	Rừng phòng hộ	634,10	382,60	251,50	0,00
I	Đất có rừng	634,10	382,60	251,50	0,00
1	Rừng tự nhiên	618,20	366,70	251,50	0,00
2	Rừng trồng	15,90	15,90	0,00	0,00
B	Đất rừng sản xuất	7.435,13	3.242,90	2.109,06	2.083,17
I	Đất có rừng	7.017,22	3.030,49	1.911,86	2.074,87
1	Rừng tự nhiên	1.029,60	860,90	168,70	0,00
2	Rừng trồng	5.987,62	2.169,59	1.743,16	2.074,87
II	Đất quy hoạch trồng rừng	409,61	212,41	197,20	0,00
III	Đất khác	8,30	0,00	0,00	8,30

Diện tích đất lâm nghiệp do đơn vị quản lý chủ yếu đất đã có rừng. Trong đó đất có rừng chiếm 95% (rừng trồng chiếm 77%, rừng tự nhiên chiếm 19%), đất trống chiếm 4%.

Rừng tự nhiên trên địa bàn khu vực Công ty quản lý tập trung ở xã Bến Quan. Rừng tự nhiên của đơn vị chỉ có chung một kiểu rừng thường xanh phục hồi. Đặc điểm chung loại rừng này là kết cấu tầng không rõ ràng, có nhiều dây leo bụi rậm theo đánh giá thì diện tích rừng tự nhiên nghèo kiệt. Rừng tự nhiên trên được UBND tỉnh Quảng Trị giao quản lý, bảo vệ chỉ áp dụng biện pháp khoanh nuôi phục hồi tự nhiên nên cần được bảo vệ nghiêm ngặt để tái tạo lại rừng nhằm tạo ra một sinh cảnh phong phú đa dạng sinh học trong tương lai.

II. TÌNH HÌNH CHUNG

Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bến Hải - Quảng Trị hiện nay là tiền thân của Lâm trường Bến Hải đã có bề dày lịch sử hơn 65 năm chiến đấu trưởng thành. Thực hiện Nghị quyết số 28/NQ-TW ngày 16/6/2003 của Bộ Chính trị BCH TW Đảng về tiếp tục sắp xếp, đổi mới và phát triển nông, lâm trường quốc doanh; Nghị định số 200/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển Lâm trường quốc doanh, Lâm trường Bến Hải đã xây dựng phương án chuyển đổi và được UBND Tỉnh Quảng Trị ra Quyết định số 2467/QĐ-UBND ngày 19/12/2006 về việc phê duyệt phương án chuyển đổi Lâm trường Bến Hải thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bến Hải - Quảng Trị. Từ đó Lâm trường Bến Hải chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bến Hải - Quảng Trị do UBND tỉnh Quảng Trị nắm giữ 100% vốn điều lệ.

1. Về chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của Công ty

Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bến Hải - Quảng Trị một doanh nghiệp 100% Nhà nước do UBND tỉnh Quảng Trị làm chủ sở hữu, có tư cách pháp nhân hoạt động theo Luật doanh nghiệp và hoạt động theo Điều lệ Công ty, có vốn và tài sản riêng, có con dấu và được mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc và các Ngân hàng, có chức năng và nhiệm vụ như sau:

- Công ty có quyền quản lý, sử dụng, bảo toàn các nguồn vốn do chủ sở hữu giao gồm: tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Hợp tác, liên doanh liên kết đầu tư sản xuất kinh doanh gỗ và lâm sản từ rừng, trồng rừng xây dựng phát triển vốn rừng các dự án trong và ngoài nước;

- Trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phát triển vốn rừng, khai thác và kinh doanh lĩnh vực Lâm nghiệp, Nông nghiệp;

- Gieo tạo, sản xuất và kinh doanh các loại cây giống Lâm nghiệp, Nông nghiệp;

- Tư vấn khảo sát điều tra, thiết kế rừng và các công trình Lâm nghiệp, Nông nghiệp;

- Thực hiện các dự án, đề tài khoa học về Lâm nghiệp, xây dựng các khu kinh tế mới, nông thôn mới.

- Tổ chức bộ máy quản lý Công ty, các đơn vị sản xuất trực thuộc Công ty nhằm tiến hành các hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ Công ty đã đề ra.

- Kinh doanh có lãi đảm bảo chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn đầu tư do đại diện chủ sở hữu giao.

- Tự chủ củng cố, mở rộng sản xuất kinh doanh, phát huy vai trò chủ đạo của một doanh nghiệp Nhà nước, góp phần tích cực vào việc tổ chức sản xuất, nâng cao số lượng, chất lượng sản phẩm để phù hợp với cơ chế mới.

2. Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 3200042330, đăng ký lần đầu vào ngày 06/8/2007, đăng ký thay đổi lần 6 do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và đầu tư Quảng Trị cấp.

+ Ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty:

Trồng rừng, chăm sóc, bảo vệ, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh phát triển vốn rừng, khai thác và kinh doanh lĩnh vực lâm nghiệp, nông nghiệp;

Xuất nhập khẩu Lâm sản, khai thác khoáng sản, chế biến kinh doanh lâm sản, khoáng sản và lâm sản ngoài gỗ;

Hợp tác đầu tư sản xuất kinh doanh gỗ và lâm sản, xây dựng phát triển vốn rừng, thực hiện các dự án trong và ngoài nước;

Gieo tạo, sản xuất và kinh doanh các loại cây giống lâm nghiệp, nông nghiệp;

Kinh doanh thiết bị nông, lâm, ngư cơ, kinh doanh phân bón nông, lâm nghiệp;

PHẦN B

PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Mục đích

Để quản lý rừng bền vững (QLRBV) theo Thông tư 28 của Bộ Nông Nghiệp & PTNT, việc đánh giá tác động môi trường là yêu cầu bắt buộc trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện hoạt động của Công ty và các tác động từ người dân, nhằm xác định những tác động tiềm ẩn có thể xảy ra trước, trong hoặc sau khi thực hiện các hoạt động trong lâm nghiệp. Dựa trên kết quả đánh giá tác động môi trường sẽ xác định những hoạt động hoặc đưa ra quyết định nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái.

Đánh giá tác động môi trường nhằm đảm bảo cho toàn thể cán bộ công nhân viên trong đơn vị nhận thức được những hiệu quả tiềm tàng về những hoạt động của đơn vị trước khi dự án, hoạt động được thực thi. Nó cho phép đơn vị xem xét lựa chọn các phương án khác giảm thiểu các tác động tiêu cực có thể xảy ra và tăng cường các hoạt động mang tính tích cực cho môi trường.

Đánh giá tác động môi trường có thể đóng vai trò như một hướng dẫn tổ chức quản lý rừng bằng cách đặt ra mục đích và mục tiêu, đồng thời đưa ra tiến trình lập kế hoạch quản lý. Những số liệu được thu thập thông qua đánh giá cũng có thể được sử dụng như là số liệu cơ bản khi xem xét những tác động thực tế của các hoạt động lâm nghiệp trong tương lai.

2. Thành phần tham gia

Tham gia quá trình đánh giá tác động môi trường các hoạt động trong lâm phận Ban quản lý gồm những thành phần tham gia như sau:

Ông Trần Hậu Ngự	Phó tổng giám đốc
Ông Đào Minh Chung	TP. KHKTKD-BVR
Ông Lê Hùng Trí	PP. KHKTKD- BVR
Ông Trần Thị Thu Hồng	TP. Phòng TCLĐ-HC
Ông Nguyễn Văn Đức	Quản lý vườn ươm
Ông Lê Song Hào	Chi nhánh Xí nghiệp 1
Ông Trần Quốc Hưng	Chi nhánh Xí nghiệp 2
Ông Hồ Văn Thành	Chi nhánh Xí nghiệp 3

3. Thời gian: Năm 2025

4. Nội dung đánh giá tác động môi trường

Nội dung đánh giá chủ yếu tập trung vào các hoạt động chính diễn ra trên hiện trường, dưới sự giám sát chặt chẽ của cán bộ kỹ thuật.

Những hoạt động cần được đánh giá được thể hiện cụ thể như sau:

STT	Hoạt động cụ thể
1	Đường vận chuyển, vận xuất
2	Vườn ươm
3	Hồ, Sông và Khe nước chảy

STT	Hoạt động cụ thể
4	Trồng rừng
5	khai thác rừng
6	Chăm sóc rừng
7	Bảo vệ rừng

6. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá chủ yếu:

- Sử dụng tài liệu hiện có liên quan đến công tác quản lý bảo vệ rừng.
- Xem xét thiết kế, bản đồ trồng rừng trong quá trình xây dựng kế hoạch;
- Sử dụng toàn bộ những tài liệu và báo cáo có sẵn liên quan đến khu rừng, đánh giá các hoạt động tác động môi trường theo các quy định hiện hành;
- Xác định khu vực rừng trồng, rừng khai thác, vườn ươm, đã được thiết kế trên bản đồ;
- Phỏng vấn cán bộ Công ty, Xí nghiệp trực thuộc và đơn vị nhận khoán tại các trạm bảo vệ rừng thuộc Công ty quản lý;
- Xem xét, đánh giá tại hiện trường.

PHẦN C

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

1. Đánh giá môi trường đất

Đất tại những nơi có tuyến đường vận xuất, vận chuyển, vận xuất gỗ và khu vực bãi gỗ sẽ bị nén chặt, sau vài năm sẽ bị ảnh hưởng đến sức tái sinh của các loài cây tái sinh tự nhiên mọc tại những nơi đó, môi trường sống của vi khuẩn và sâu bọ cũng bị huỷ hoại, bề mặt trống trải ở những nơi đó dễ bị rửa trôi và gây xói mòn đất.

- Trên lâm phận Công ty quản lý gồm có 4 loại đá mẹ, đó là đá Granít, đá Cát kết, đá Sét và Đá vôi. Dựa trên các loại đá mẹ, yếu tố địa hình, độ cao, độ dốc, khu vực có thể chia thành hai nhóm dạng đất chính, đó là:

Nhóm dạng đất feralít núi thấp phát triển trên các loại đá granít, đá cát kết, đá sét và đá vôi.

Nhóm dạng đất feralít mùn trên núi trung bình phát triển trên đá granít.

Nhìn chung đất trong khu vực có độ dày tầng đất từ trung bình đến dày, từ 30 đến 80 cm, hàm lượng mùn trung bình. Riêng các nhóm dạng đất feralit đồi - núi thấp phát triển trên đá sét, cát kết có độ dày tầng đất lớn hơn 80 cm.

Đất trên địa bàn Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bến Hải chủ yếu là đất được hình thành do quá trình feralit hoá, với nền vật chất là phiến thạch sét, granit. Ngoài ra còn có các loại đất dốc tụ, đất mùn trên thung lũng ven suối và đất phù sa bồi tụ ven sông suối.

- Thảm thực vật trong vùng tương đối nhiều nên tạo lớp thảo mục bao phủ trên bề mặt đất, góp phần cung cấp một lượng độ mùn và chất dinh dưỡng cho

đất cũng như tạo môi trường sống cho các loài côn trùng và vi sinh vật trong đất trên lâm phần.

Trong năm 2025, Công ty thực hiện các hoạt động sản xuất cây giống, trồng rừng, khai thác rừng, sửa chữa đường có tác động ảnh hưởng đến môi trường đất như sử dụng thuốc, phân bón, các loại máy thi công (dầu nhớt rò rỉ...), mức hố trồng rừng... Nhìn chung, toàn bộ các khu vực trên lâm phần Công ty quản lý có độ dốc thấp. Tuy nhiên cũng có một khu vực tại tiểu khu 583, 584A, 556A thuộc rừng trồng năm 2019, 2020 có độ dốc tương đối cao và tại một số hiện trường trồng rừng năm 2025, khu vực này hàng năm quá trình xói mòn đất xảy ra từ trước đến nay, chủ yếu vào mùa mưa khi có lượng mưa lớn, làm cho đất tại khu vực này bào mòn, rửa trôi và không ổn định. Bên cạnh đó do tác động của các hoạt động lâm nghiệp sẽ làm cho chất lượng môi trường đất bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp nên không gây ảnh hưởng nên đã hạn chế những tác động tiêu cực.

2. Đánh giá môi trường nước

Lâm phần của Công quản lý nằm tiếp giáp với 2 hồ nước (*Hồ La Ngà và Hồ Bảo Đài*) do xã Vĩnh Thủy và xã Vĩnh Linh quản lý. Nguồn nước từ 02 hồ trên hiện nay được cung cấp nước tưới tiêu cho người dân các xã Vĩnh Thủy, xã Vĩnh Linh. Nhưng do sự quản lý của địa phương chưa được quan tâm nên tình trạng ô nhiễm nguồn nước tại 02 hồ hiện nay đã có hiện tượng xảy ra.

Mặt khác, chất lượng nước ở đây rất tốt, nhưng có khả năng bị ảnh hưởng bởi các tác động của con người từ quá trình hoạt động đánh bắt cá trên hồ, sông, nuôi cá lồng bè làm ảnh hưởng đến môi trường nước.

Đồng thời trong lâm phần Công ty còn có khe nước chảy ra sông Bến Hải. Nằm liền kề với hệ thống sông là diện tích rừng trồng của người dân, diện tích hoa màu nên trong quá trình sử canh tác có sử dụng thuốc bảo vệ thực vật, phân bón...đã làm ảnh hưởng đến môi trường nước.

Trong năm 2025, Công ty thực hiện các hoạt động sản xuất cây giống, trồng rừng, khai thác rừng, sửa chữa đường có tác động ảnh hưởng đến môi trường nước như sử dụng thuốc, phân bón, các loại máy thi công (dầu nhớt rò rỉ...), mức hố trồng rừng... Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp nên không gây ảnh hưởng nên đã hạn chế những tác động tiêu cực.

3. Đánh giá môi trường không khí và bụi

Trong các hoạt động lâm nghiệp như sản xuất cây giống, trồng rừng, khai thác rừng, sửa chữa đường đã làm ảnh hưởng đến môi trường không khí tại khu vực xảy ra hoạt động và khu vực xung quanh đó là: Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phun gây sẽ phát tán vào không khí, hoạt động sử dụng máy chuyển khai thác, sửa đường phát tán bụi, khói nhiên liệu vào không khí... Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp nên không gây ảnh hưởng nên đã hạn chế những tác động tiêu cực.

4. Các tác động từ hoạt động lâm nghiệp ảnh hưởng đến môi trường

4.1. Hệ thống đường

Tuyến đường Hồ Chí Minh nhánh Tây chạy qua địa phận Công ty Lâm nghiệp Bến Hải, với chiều dài 30 km, nền đường có kết cấu bê tông có chất lượng tốt, có thể luân chuyển hàng hóa thuận lợi quanh năm.

Hệ thống đường xương cá trong địa phận Công ty có chiều dài 100 km, chủ yếu là đường vận chuyển cũ, phần lớn đã bị xuống cấp, hư hỏng nghiêm trọng. Toàn bộ đường vận chuyển là đường đất, chỉ lưu thông được trong mùa khô.

Hiện tại, trên địa bàn khu vực Công ty Lâm nghiệp Bến Hải, tất cả các xã đều đã có đường giao thông nối liền từ trung tâm xã tới các vùng phát triển kinh tế, thương mại của tỉnh. Hệ thống đường giao thông cấp thôn đã được cải thiện đáng kể, đường liên thôn đã được rải đá cấp phối. Tuy nhiên, đường giao thông ở một số thôn đã xuống cấp, nền đường không ổn định, thiếu hệ thống thoát nước, không được duy tu bảo dưỡng, dễ bị sạt lở, lầy lội về mùa mưa. Mặt khác một số đường mòn đi vào các thôn là đường vận chuyển gỗ của Công ty Lâm nghiệp Bến Hải, phải đi qua nhiều khe suối sâu và rộng, điều đó gây cản trở rất lớn cho việc đi lại của nhân dân địa phương trong mùa mưa.

Ngoài ra đơn vị còn mở thêm một số con đường nhánh đến các lô rừng, còn khó khăn trong quá trình phục vụ cho công tác vận chuyển cây giống, phân bón trồng rừng và chăm sóc rừng trồng. Các đoạn đường này sẽ đi qua các khu vực trồng rừng các năm trên lâm phận quản lý.

Năm 2025, Công ty tiến hành duy tu, sửa chữa các tuyến đường ranh nội vùng nên có những tác động đến môi trường không khí, đất và nước trong quá trình thực hiện do sử dụng máy thi công. Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp nên không gây ảnh hưởng nên đã hạn chế những tác động tiêu cực.

4.2. Chất thải sinh hoạt và rác thải

Chất thải sinh hoạt và rác thải từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân tại các lán trại khai thác rừng, chăm sóc, trồng rừng, gây ảnh hưởng tới môi trường đất, không khí xung quanh. Đặc biệt quản lý xăng, dầu mỡ từ máy cưa và xe vận xuất gỗ đã tạo ra rò rỉ thải ra môi trường đã làm ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí.

Ngoài ra, các túi nilông từ vỏ bầu của cây giống cần phải thu gom và quản lý chặt chẽ, nếu không sẽ trở thành một lượng lớn rác thải gây ảnh hưởng tới môi trường sống của động vật.

Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp nên không gây ảnh hưởng nên đã hạn chế những tác động tiêu cực.

4.3. Chất thải dầu, mỡ, xăng từ các phương tiện máy móc và dụng cụ

Các chất thải dầu, mỡ và xăng trong quá trình xe vận chuyển gỗ, vận chuyển cây trồng rừng, và vận chuyển phân chăm sóc rừng, nơi lưu trữ, nơi đổ và sửa chữa xe cộ, các loại máy móc phục vụ cho các hoạt động vườn ươm, máy phát điện tại trụ sở làm việc có thể bị rò rỉ và tràn vào đất và ngấm ra nước, tác động đến hệ sinh thái rừng tại khu vực trồng rừng và con người xung quanh. Tuy

nhiên, Công ty đã có những giải pháp nên không gây ảnh hưởng lớn tới môi trường rừng.

4.4. Sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu bệnh và các loại phân bón

Do quá trình lựa chọn giống chặt chẽ và có nguồn gốc rõ ràng, nên các loài keo lai và keo tai tượng... có khả năng chống lại sâu bệnh cao, nên việc sử dụng thuốc phòng trừ sâu bệnh rất hiếm, khi sử dụng, chủ yếu sử dụng các loại hoá chất kích thích mầm hạt giống, tăng trưởng cho cây và các loại phân bón chăm sóc cho cây trồng.

Công tác trồng rừng: Hàng năm đơn vị thực hiện các hoạt động công trình trồng với lượng túi bầu và bao phân sau khi trồng rừng mỗi năm khoảng 300 - 400 kg túi bầu nilong để lại trên mặt đất tại các khu vực trồng rừng, khi có gió sẽ bay đến các khu vực khác làm ảnh hưởng đến môi trường.

Bên cạnh đó, Công ty quản lý còn có một vườn ươm được ký hợp đồng khoán cho người lao động sản xuất cây giống (chủ yếu là Keo lai hom) để phục vụ công tác trồng rừng theo kế hoạch hàng năm. Năm 2025 Vườn ươm đã sản xuất được 120 vạn cây giống (keo lai hom), các hoạt động gieo tạo có sử dụng các loại thuốc, hoá chất và các loại phân theo quy định của Bộ Nông Nghiệp & Môi trường. Tuy nhiên, việc sử dụng thuốc chưa thực hiện đúng quy định quản lý rừng bền vững.

Trong trường hợp xảy ra sâu bệnh, Đơn vị cũng phải dựa trên danh mục cho phép sử dụng các loại thuốc do nhà nước quy định.

Danh mục hóa chất sử dụng vườn ươm cây giống

TT	Loại thuốc/phân sử dụng	Số lượng/năm	Phương pháp sử dụng	Có trong danh mục cấm sử dụng
1	Anvil (Thuốc nấm)	500 ml/năm/1 lọ	1 lọ pha với 100 lit nước phun cho 2.500 - 3.000 m ²	Không
2	Super Roots Amin	500 ml/năm/1 lọ	1 lọ pha với 100 lit	Không
3	Anvil (Diệt mầm)	500 ml/năm/1 lọ	1 lọ pha với 100 lit nước phun cho 2.500 - 3.000 m ²	Không
	Tổng cộng			

4.5. Khai thác rừng:

Năm 2025, Công ty khai thác rừng với diện tích 195,99 ha thuộc địa bàn các xã Vĩnh Thủy, xã Bến Quan, xã Vĩnh Linh. Công ty không tổ chức khai thác mà bán cây đứng cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu và tiến hành kiểm tra, giám sát các hoạt động khai thác theo hợp đồng mua bán.

- Phương thức khai thác: Khai thác trắng toàn bộ diện tích, việc khai thác rừng trồng có thể thực hiện tương đối thuận lợi theo trình tự công đoạn như sau:

- + Phát sạch dây leo, bụi rậm.
- + Dùng cưa, cưa sát gốc, bố trí hướng chặt ngược chiều với hướng gió.
- + Chặt sạch cành nhánh, xếp vào bãi I.
- + Dùng xe cải tiến chuyển tới bãi II.
- + Khoảng cách giữa các băng chặt tối thiểu là 50m để tránh gây tai nạn. Quá trình thực hiện phải được sự hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật.
- Hình thức tổ chức khai thác: Bán cây đứng.
- Vệ sinh rừng sau khai thác: Thu gom rác thải (nếu có) đi tiêu huỷ đúng nơi quy định.

Hồ sơ thiết kế khai thác tuân thủ hướng dẫn của Bộ Nông Nghiệp & Môi trường, có bản đồ, số thứ tự lô rừng khai thác, diện tích và biểu mẫu hồ sơ thiết kế khai thác đầy đủ đúng quy trình của Bộ Nông Nghiệp & Môi trường.

Mặc dù, trong hoạt động khai thác rừng vẫn còn tình trạng chất thải sinh hoạt và rác thải từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân tại các lán trại khai thác rừng. Đặc biệt xăng, dầu mỡ từ máy cưa và xe vận xuất gỗ đã tạo ra rò rỉ thải ra môi trường đã làm ô nhiễm môi trường nước, đất và không khí và Các chất thải dầu, mỡ và xăng trong quá trình xe vận chuyển gỗ nơi đổ và sửa chữa xe cộ, có thể bị rò rỉ và tràn vào đất và ngấm ra nước, tác động đến hệ sinh thái rừng tại khu vực trồng rừng và con người xung quanh. Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp nên không gây ảnh hưởng nên đã hạn chế những tác động tiêu cực.

4.6. Trồng rừng, chăm sóc rừng:

Năm 2025, Công ty trồng rừng với diện tích 184,72 ha; Chăm sóc rừng với diện tích 807,54 ha thuộc địa bàn các xã Vĩnh Thủy, xã Bến Quan, xã Vĩnh Linh. Công ty hợp đồng với các cá nhân, nhà thầu, đơn vị có năng lực để thi công các hạng mục trồng rừng, chăm sóc rừng năm 2025.

- Phương pháp:

+ Trồng rừng; Phát, dọn thực bì, cuốc hố, bón phân, vận chuyển cây và trồng rừng.

+ Chăm sóc: Làm cỏ, xới vun gốc, phát thực bì, cắt dây leo, cắt cây ngoại lai, chặt cây phi mục đích, tỉa cành nhánh.

Mặc dù trong hoạt động trồng rừng vẫn còn tình trạng chất thải sinh hoạt và rác thải từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày của công nhân tại các lán trại tạm nghỉ trưa và xăng, dầu mỡ từ máy thi công và xe vận chuyển cây có thể bị rò rỉ và tràn vào đất và ngấm ra nước, tác động đến hệ sinh thái rừng tại khu vực trồng rừng và con người xung quanh. Tuy nhiên, Công ty đã có những giải pháp xử lý kịp thời nên không gây ảnh hưởng nên đã hạn chế những tác động tiêu cực đối với môi trường nước, đất, không khí và hệ sinh thái xung quan .

4.7. Cháy rừng:

Công ty quản lý, bảo vệ rừng với diện tích 8.069,23 ha. Năm 2025 không có xảy ra vụ cháy rừng nào trên lâm phần quản lý.

5. Tác động đến kinh tế - xã hội khu vực

Diện tích đất rừng của Công ty quản lý trải dài trên 03 xã, nằm liền kề với diện tích người dân địa phương. Năm 2025, Công ty đã tạo điều kiện cho người dân thực hiện các công việc giao khoán như khai thác nhựa thông, trồng, chăm sóc rừng, sản xuất cây giống... Không để xảy ra sự tranh chấp giữa người dân trong khu vực sống gần rừng.

Tác động sức khỏe: Trong hoạt động gieo ươm cây giống, trồng rừng và chăm sóc cây trồng, việc sử dụng các hóa chất và phân bón có thể ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân trong vùng.

Tai nạn lao động: Trong quá trình trồng rừng và chăm sóc cây trồng, khai thác rừng và vận chuyển gỗ chưa có tai nạn lao động xảy ra, trừ một số tai nạn có thể xảy ra như sau: do các loại động vật và côn trùng gây ra trong quá trình phát thực bì, trồng và chăm sóc cây: rắn, rết, muỗi, ong...

Bên cạnh đó, công nhân được có thể được tập huấn nâng cao năng lực để áp dụng các phương pháp kỹ thuật trồng rừng và khai thác rừng, đời sống và kinh tế được cải thiện, có công việc ổn định và lâu dài. Ngoài ra, trong quá trình trồng và chăm sóc rừng trồng công nhân có thể sử dụng các loại lâm sản ngoài gỗ như: Mật ong, cây thuốc... từ lâm phần của Công ty quản lý rừng.

Trong những năm gần đây đã có sự biến đổi khí hậu làm cho khí hậu thời tiết trong vùng thay đổi khá rõ rệt. Vì vậy, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế - xã hội trong vùng. Ngoài ra hàng năm còn tham gia các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới.

6. Giải pháp nhằm giảm thiểu tác động tới môi trường

6.1. Môi trường đất

Các vùng đất có nguy cơ xói mòn đơn vị cần phải quan tâm và xử lý cẩn thận, nhất là trong quá trình mở đường vận chuyển, vận xuất khai thác gỗ, trồng rừng... môi trường đất bị tác động nhiều nhất bởi các phương tiện có trọng tải lớn, làm thay đổi cấu trúc, mất đi chất dinh dưỡng và độ mùn có trong đất, và làm cho đất bị nén chặt. Vì vậy, hạn chế việc sử dụng các phương tiện trọng tải lớn di chuyển trong khu vực trồng rừng, khai thác. Trong quá trình mở đường vận chuyển, vận xuất cần chú ý việc hạn chế xói mòn bằng cách lấp các cây bụi, thảm khô lên hai bên đường.

Mặt khác các loại xe vận xuất bánh hơi có tính cơ động cao và lốp cao su có thể giảm mức độ phá hoại đất. Trên những phần đất dễ bị đóng rắn, các loại xe vận xuất gây áp lực thấp lên đất, chọn loại bánh đôi làm tăng tiết diện có ích của bánh xe, giúp dàn trải trọng lượng của máy và tải trọng trên một diện tích bề mặt rộng, làm giảm áp lực lên mặt đất.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các loại phương tiện sử dụng của Nhà thầu phụ.

6.2. Xói mòn đất

Trong quá trình khai thác gỗ rừng trồng, cần giữ lại những cây tái sinh, cây rừng tự nhiên có giá trị. Một mặt tạo vật cản ngăn dòng chảy mặt đất khi mưa đến, mặt khác làm tăng độ che phủ cho rừng.

Để ngăn chặn và giảm thiểu hiện tượng xói mòn đất sau khi xử lý thực bì, Công ty tiến hành phát đập cây bụi, cây leo, cỏ... nằm trên bề mặt đất, tạo một lớp thực bì nhằm cản trở, giảm dòng chảy của nước và giảm quá trình rửa trôi của đất tại khu vực.

Thực hiện các hoạt động lâm nghiệp theo đúng quy trình đã ban hành và Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động.

6.3. Môi trường nước

Hiện tượng ô nhiễm nguồn nước chủ yếu là do quá trình hoạt động và chất thải sinh hoạt từ con người. Để hạn chế ô nhiễm môi trường nước, Công ty kiến nghị với UBND xã Vĩnh Linh, xã Vĩnh Thủy, xã Bến Quan cần có biện pháp tuyên truyền bằng đài phát thanh, có hệ thống biển cấm, biển báo, cần quản lý chặt chẽ rác thải từ các hoạt động sử dụng hoá chất phục vụ sản xuất nông nghiệp trong quá trình hoạt động.

Làm bản cam kết đối với các hộ dân sống và canh tác nông nghiệp, ven bờ Sông, Hồ, khi sử dụng các loại thuốc trừ cỏ, trừ sâu trong quá trình sản xuất nông nghiệp.

Công ty cần hoàn thiện các quy trình về các hoạt động lâm nghiệp và tăng cường công tác kiểm tra giám sát và thực hiện theo đúng quy trình đã ban hành.

6.4. Môi trường không khí và bụi

Môi trường không khí và bụi bị ảnh hưởng chủ yếu do các phương tiện vận hành của máy móc trong quá trình các hoạt động trồng rừng, chăm sóc và khai thác rừng, trồng rừng... Để giảm thiểu các tác động, Công ty rừng yêu cầu các đơn vị thi công cần đưa các loại phương tiện và máy móc còn mới và đảm bảo các tiêu chuẩn cho phép về khói và bụi.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các loại phương tiện sử dụng của Nhà thầu phụ.

6.5. Hệ thống đường

Để giảm thiểu các tác động, Công ty rừng yêu cầu các đơn vị thi công cần đưa các loại phương tiện và máy móc còn mới và đảm bảo các tiêu chuẩn khi thực hiện các công trình.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các loại phương tiện sử dụng của Nhà thầu phụ.

6.6. Chất thải sinh hoạt, rác thải và túi nilong

Đối với nơi bãi gổ khai thác cần làm cam kết yêu cầu đơn vị khai thác thiết lập các điểm cố định chứa rác thải, rác sinh hoạt nằm trên hệ thống đường và xung quanh khu vực khai thác.

Đối với rác thải trong rừng có tuyến đường đi qua trong lâm phận của Công ty, cần cấm các biển cấm đổ rác và kiến nghị với chính quyền địa phương có biện pháp thông báo, tuyên truyền trên đài phát thanh để người dân hiểu về tác hại của rác. Đồng thời kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền quy hoạch bãi rác để người dân có ý thức bỏ rác đúng nơi quy định và xây dựng hệ thống xử lý rác thải nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Đối với vườn ươm cây giống và trồng rừng cần sử dụng túi bầu nilong tự huỷ hoặc thu gom túi bầu và vận chuyển về bãi rác theo quy định.

Đối với đơn vị mua bán, nhận khoán các công trình cần có cam kết với Công ty trong việc quản lý, xử lý rác thải sinh hoạt và xây dựng công trình phụ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với Nhà thầu phụ, công nhân khi thực hiện hợp đồng..

6.7. Chất thải dầu, mỡ, xăng từ các phương tiện và dụng cụ

Ô nhiễm từ các chất thải dầu, mỡ, xăng của các phương tiện và máy móc làm ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường đất, môi trường nước và hệ động thực vật. Do vậy, Công ty cần phải có hệ thống quản lý và giám sát thường xuyên các máy móc, phương tiện và các nơi lưu trữ phục vụ các công trình nhằm tránh sự rò rỉ và tràn dầu nhớt và xăng ra môi trường xung quanh.

Cử cán bộ chuyên trách việc kiểm tra và giám sát của đơn vị thường xuyên kiểm tra tại các khu vực trồng rừng, vườn ươm và các khu khai thác (*đã và đang khai thác*) nói chung để hạn chế đến mức thấp nhất tác động của các chất thải đến môi trường.

Đối với các phương tiện do các đơn vị bên khai thác rừng trồng và trồng rừng quản lý cần phải có chế tài cũng như sự thỏa thuận giữa hai bên để giảm thiểu ô nhiễm môi trường từ các chất thải xăng, dầu, nhớt...

Để giảm thiểu các tác động, Công ty rừng yêu cầu các đơn vị thi công cần đưa các loại phương tiện và máy móc còn mới và đảm bảo các tiêu chuẩn và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối với các loại phương tiện sử dụng của Nhà thầu phụ.

6.8. Sử dụng hóa chất, thuốc trừ sâu bệnh hại

Công ty cần kiểm tra danh mục các loại hóa chất cấm sử dụng do nhà nước quy định. Nếu có loại hóa chất cấm sử dụng cần có biện pháp thay thế bằng các loại thuốc khác theo quy định.

Cần hướng dẫn an toàn cho công nhân khi sử dụng thuốc trừ sâu, và hoá chất, phân bón.

Khi sử dụng cần có trang phục bảo hộ (*mặc áo mưa, đeo khẩu trang, găng tay, mang ủng...*) để đảm bảo an toàn ngộ độc trong quá trình sử dụng hoá chất, các loại phân, thuốc...

Trong quá trình bảo quản thuốc trừ sâu, diệt cỏ và hoá chất, phân cần phải có kho chứa, thùng chứa đựng, đậy nắp thùng không cho ánh nắng chiếu trực tiếp hoặc mưa ướt và tránh hướng gió để đảm bảo môi trường xung quanh, ảnh hưởng đến công nhân làm việc tại vườn ươm.

Các chai lọ, bao bì phân, thuốc và hoá chất sau khi sử dụng xong cần thu gom và phân ra từng loại để xử lý theo quy định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát đối công nhân và các đơn vị liên quan.

6.9. Cháy rừng

Vào mùa khô trong lâm phận đặc biệt không có hệ thống sông suối. Mặt khác trong quá trình phát dọn thực bì, lượng thực bì trong khu vực tương đối nhiều. Vì vậy nguy cơ đối với công tác phòng cháy chữa cháy cần được chú trọng. Công ty cần phải huy động lực lượng tất cả các cán bộ công nhân viên đơn vị trực phòng cháy tại đơn vị, trạm chốt và tại các vọng gác trên lâm phận vào những ngày cao điểm. Đồng thời xây dựng thêm một số chòi canh lửa để thuận tiện cho công tác trực phòng chống cháy. Hạn chế người dân vào rừng trong mùa cao điểm và khoanh vùng các vùng có thực bì dày dễ xảy ra cháy xử lý kịp thời nhằm tránh xảy ra cháy rừng.

Giải pháp về thể chế, chính sách và tổ chức: củng cố Ban chỉ đạo; Quy hoạch và xây dựng lực; Xây dựng quy ước phòng cháy chữa cháy rừng; Xây dựng quy chế hoạt động và thực hiện nghĩa vụ, quyền lợi của lực lượng phòng cháy chữa cháy rừng.

Giải pháp về tuyên truyền và xã hội hoá công tác phòng cháy chữa cháy rừng: Tổ chức các lớp tuyên truyền cho nhân dân về chủ trương, chính sách Nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của cá nhân và tập thể trong công tác phòng cháy chữa cháy rừng; Tham gia tập huấn, huấn luyện kỹ thuật phòng cháy chữa cháy rừng, nghiệp vụ quản lý bảo vệ rừng cho lực lượng chuyên ngành tại đơn vị; Bổ sung các bảng tuyên truyền có nội dung phòng cháy chữa cháy rừng.

Giải pháp về khoa học công nghệ: Khoanh vùng trọng điểm, dự báo, cảnh báo có nguy cơ cháy rừng, truyền tin, xử lý thông tin và chỉ đạo chữa cháy rừng, huy động lực lượng và tổ chức chữa cháy rừng; Thực hiện các công trình phòng cháy chữa cháy rừng.

Giải pháp về lâm sinh: Đối với rừng trồng cần bố trí mật độ phù hợp, chăm sóc phát dọn thực bì và cày băng trắng phòng chống cháy; Đối với rừng tự nhiên cần phân ra từng vùng có cây ranh cản lửa theo các đường mòn trong rừng.

Trong công tác chữa cháy rừng trước hết phải thực hiện theo phương châm "4 tại chỗ".

6.10. Rừng có giá trị bảo tồn cao (rừng được đưa vào khoanh nuôi bảo vệ)

Phục hồi lại hệ sinh thái, cảnh quan, môi trường tự nhiên nhằm phục hồi môi trường sống và sinh cảnh cho động vật và côn trùng trong lâm phận.

Khoanh vùng tại các khu vực có các loài cây cần đưa vào phục hồi, bảo tồn nguồn gen để đưa vào bảo vệ chặt chẽ.

Cấm và ngăn chặn việc săn bắt, đánh bẫy trái phép đối với những loài động, thực vật đang sinh sống trong lâm phận.

Tăng cường công tác kiểm tra trên các lâm phận. Đặc biệt các vùng giáp ranh đất nông nghiệp, dễ xảy ra lấn chiếm.

Thực hiện công tác vận động, tuyên truyền đối với người dân địa phương. Đặc biệt làm cam kết đối với các hộ dân sống ven rừng về công tác Bảo vệ rừng và Phòng cháy chữa cháy rừng.

Xây dựng bổ sung, phục hồi hệ thống bảng tuyên truyền về những nội dung Bảo vệ rừng, cấm các biển báo và biển cấm trên các khu vực người dân thường đi lại...

7. Tác động kinh tế - xã hội

Tạo công ăn việc làm ổn định và lâu dài cho người dân địa phương và người dân làm thuê theo thời vụ.

Công ty hàng năm ký kết hợp đồng khoán để thực hiện những hoạt động các công trình như trồng rừng, chăm sóc và gieo tạo cây giống tại vườn ươm.- Khuyến khích người dân cũng như toàn cán bộ công nhân viên trong Ban quản lý tham gia các khóa nâng cao năng lực và áp dụng các phương pháp khoa học tiên tiến trong kỹ thuật trồng rừng và chăm sóc rừng.

- Công ty tuân theo các quy định về an toàn lao động trong quá trình thực hiện trồng và chăm sóc rừng trồng; trang thiết bị bảo hộ lao động, bảo hiểm, khu vực nghỉ ngơi đảm bảo an toàn và vệ sinh.

- Hàng năm tham gia các hoạt động hưởng ứng ngày Môi trường thế giới như: Dọn vệ sinh thu gom rác dọc ven các tuyến đường....

8. Khuyến nghị

Hướng tới quản lý rừng bền vững, cũng như đáp ứng các tiêu chuẩn theo yêu cầu có liên quan đến đánh giá tác động môi trường đối với công trình gieo ươm, trồng rừng, chăm sóc và khai thác rừng Ban quản lý cần chú ý đến những tác động tiêu cực liên quan các vấn đề sau:

8.1. Hệ thống đường vận xuất

Sử dụng đường vận xuất dựa trên những đường mòn sẵn có từ trước đến nay, được duy trì bảo dưỡng (phát dọn) hàng năm nhằm tránh và hạn chế xói mòn đất, đặc biệt tránh trường hợp làm ảnh hưởng đến rừng bên cạnh tại tuyến đường đi qua.

8.2. Hóa chất và quản lý rác thải

Hạn chế hoặc không sử dụng các hóa chất trong khu vực trồng rừng, kiểm tra danh mục các loại hóa chất cấm sử dụng do nhà nước quy định; Về rác thải sinh hoạt cần có hố bỏ rác và cách xử lý từng loại rác cho phù hợp.

8.3. Trồng, chăm sóc và khai thác rừng

Theo đúng quy định hiện hành và các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường không khí, đất và nước.

8.4. Chất thải dầu, mỡ, xăng từ các phương tiện và dụng cụ

Sử dụng các loại máy móc có chất lượng tốt và đã được bảo dưỡng thường xuyên tránh rò rỉ dầu nhớt trong quá trình vận hành. Tại các khu vực đỗ và sửa chữa nên xây nền xi măng để tránh chất thải thấm trực tiếp vào đất, nếu xảy ra sự cố tràn dầu nhớt trên mặt đất thì xử lý ngay bằng cách dùng mùn cưa thấm lại hoặc thu gom đất đã nhiễm dầu nhớt lại. Công ty cần có thỏa thuận và chế tài xử lý đối với các đơn vị khai thác, đơn vị nhận khoán trồng rừng nếu vi phạm các quy định về vệ sinh môi trường.

8.5. Bảo vệ nguồn nước

Tất cả các hoạt động trồng rừng cần phải chú trọng đến việc bảo vệ khu vực nguồn nước và giữ khoảng cách của hành lang cần bảo vệ hai hồ nước tối thiểu là 100 m. Di dời các chuồng trại gia súc ra xa khu vực nguồn nước và trồng cây chống bồi lấp bờ bầu, tạo cảnh quan sạch đẹp trên khu vực.

8.6. Cháy rừng

Nguy cơ cháy rừng xảy ra rất cao sau khi phát dọn thực bì, khai thác rừng. Do vậy Công ty rừng cần phải quan tâm đến, thường xuyên kiểm tra và kiểm soát thực bì, phát, dọn và cày đường ranh cản lửa, chuẩn bị các dụng cụ và phương tiện và lực lượng để ngăn chặn kịp thời chữa cháy khi có cháy xảy ra trong mùa khô. Đặc biệt cần quan tâm đến công tác “4 tại chỗ”.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động lâm nghiệp tại Công ty Lâm nghiệp Bến Hải năm 2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT Cty;
- Ban TGD;
- Các P.NV, các XN, Vườn;
- Lưu: VT.



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Minh

